TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 117/2022/DS-PT
Ngày: 09/5/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Hùng;
Các Thẩm phán: Ông Mai Anh Tài;
Ông Phạm Việt Hà.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thảo Trang, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 09 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm C3 khai vụ án dân sự thụ lý số 230/2021/TLPT-DS ngày 11 tháng 10 năm 2021 về việc "Tranh chấp thừa kế tài sản và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất", do có kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ L quan đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 14 tháng 04 năm 2021 của Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3819/2022/QĐ-PT ngày 16 tháng 03 năm 2022, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:***

1. Ông Ngô Văn Đ, sinh năm 1964; Vắng mặt.

2. Ông Ngô Văn N, sinh năm 1967; có mặt.

3. Ông Ngô Văn M, sinh năm 1969; có mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố T, phường Liêm C, thành phố Phủ L, tỉnh Hà Nam.

4. Bà Ngô Thị H, sinh năm 1953; địa chỉ: Tổ dân phố Thượng T, phường Thanh C1, thành phố Phủ L, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

5. Ông Ngô Văn K, sinh năm 1975; địa chỉ: Số nhà 41, tổ 14, phố Trần Đại N1, phường Phan T1, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

6. Bà Ngô Thị V, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ dân phố Mễ N2, phường Liêm C, thành phố Phủ L, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

**** Bị đơn:*** Bà Ngô Thị L2, sinh năm 1952; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường Liêm C, thành phố Phủ L, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L : Ông Chu Văn H3 - Luật sư C3 ty Luật TNHH Dân V2 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; địa chỉ: Số 7/25 đường Nguyễn Ngọc V2, phường Trung H3, quận Cầu G, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan:***

1. UBND thành phố Phủ L, tỉnh Hà Nam;

Địa chỉ: Đường Biên H4, phường Lương K T5, thành phố Phủ L, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Quốc B - Chủ tịch UBND thành phố Phủ L.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung D - Phó chủ tịch UBND thành phố Phủ L; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Phủ L, tỉnh Hà Nam;

Địa chỉ: Tổ dân phố Đình T6, Phường Lam Hạ, Thành phố Phủ L, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu T7 – Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Phủ L; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. UBND phường Liêm C, thành phố Phủ L, tỉnh Hà Nam;

Địa chỉ: Phường Liêm C, thành phố Phủ L, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành Đ1 - Chủ tịch UBND phường Liêm C. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Bà Ngô Thị M, sinh năm 1964; địa chỉ: Số 133, 7/2, thôn 2, xã Đại Lào, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

5. Ông Ngô Văn H5, sinh năm 1972 và bà Lại Thị N3, sinh năm 1972; cùng địa chỉ: Tổ dân phố T, phường Liêm C, thành phố Phủ L, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

6. Ông Phạm Văn C, sinh năm 1947. Vắng mặt.

7. Bà Lại Thị H7, sinh năm 1965. Vắng mặt.

8. Bà Trần Thị L2, sinh năm 1968. Có mặt.

9. Bà M Thị C1, sinh năm 1972. Có mặt.

10. Anh Phạm Hồng C2, sinh năm 1977. Có mặt.

11. Chị Phạm Thị T8, sinh năm 1979. Có mặt.

12. Anh Phạm Văn H8, sinh năm 1982. Có mặt.

13. Chị Ngô Thị T9, sinh năm 1983. Có mặt.

14. Anh Ngô Văn H9, sinh năm 1990. Có mặt.

15. Chị Trần Thị H10, sinh năm 1989. Có mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của chị T9, anh H9, chị H10*: Ông Ngô Văn Đ, sinh năm 1964. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố T, phường Liêm C, thành phố Phủ L, tỉnh Hà Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa đồng nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông K trình bày:*

Bố mẹ chúng tôi là cụ Ngô Văn C3 (mất ngày 18/7/1988) và cụ Trần Thị T5 (mất ngày 02/12/1987) sinh được 09 người con gồm bà Ngô Thị L2, bà Ngô Thị H, bà Ngô Thị M, ông Ngô Văn Đ, bà Ngô Thị V, ông Ngô Văn N, ông Ngô Văn M, ông Ngô Văn H5, ông Ngô Văn K. Khi chết, cụ C3 và cụ T5 không để lại di chúc, tài sản để lại 06 thửa đất tại Tổ dân phố T, phường Liêm C, thành phố Phủ L, tỉnh Hà Nam cụ thể như sau:

1. Diện tích đất 413m^2 thuộc tờ bản đồ số 145, thửa 36 (nay là thửa đất số 62 tờ bản đồ số 14) do ông Ngô Văn M đang tạm thời trông coi sử dụng. Trước đây toàn bộ diện tích đất này là ao, sau này vợ chồng ông M vượt lập, san lấp 1/2 ao thành đất để xây nhà mái bằng một tầng có lợp tôn chống nắng ở trên, 01 nhà bếp, 01 nhà tắm cấp 4, phần đất trống trồng một số loại cây ăn quả, có tường bao xung quanh.

2. Diện tích đất 858m^2 thuộc tờ bản đồ số 5, thửa 119 (nay là thửa số 36 tờ bản đồ số 14) ông Ngô Văn K đang tạm thời trông coi sử dụng. Trên đất có 01 nhà cấp 4 (do bố mẹ để lại) đã cũ, 01 phần đã bị sập, 01 bếp hình chữ L cấp 4 đã sập đổ hết, 01 sân gạch, 01 giếng nước, một số cây ăn quả, không có tường bao.

3. Diện tích đất 744m^2 thuộc tờ bản đồ số 4, thửa 90 (nay là thửa đất số 90 tờ bản đồ số 14) do ông Ngô Văn Đ đang tạm thời trông coi sử dụng. Trước đây là ao thả cá, do vợ chồng ông Đức vượt lập, san lấp, đã xây 02 nhà mái bằng 01 tầng, 01 bếp cấp 4, 01 bể nước, 01 giếng nước, 01 số cây ăn quả và 01 ao thả cá.

4. Diện tích đất 319m^2 thuộc tờ bản đồ số 13, thửa 60 do ông Ngô Văn N đang tạm thời trông coi sử dụng. Trên đất đã xây nhà mái bằng 01 tầng có tum lợp mái tôn chống nắng, bếp và C3 trình phụ nằm trong nhà, liền kề với nhà còn 01 nhà mái bằng có bể nước, giếng ăn bên ngoài; 01 số cây ăn quả và tường bao.

5. Diện tích đất 1.931m^2 thuộc tờ bản đồ số 9, thửa 71 do ông Ngô Văn H5 đang tạm thời trông coi sử dụng. Trên đất đã xây nhà cấp 4 và bếp (do các cụ để lại đến nay vẫn còn); 01 nhà 02 tầng 01 tum chống nóng có C3 trình phụ nằm trong nhà, 01 bể nước, 01giếng ăn, 01 số cây ăn quả do vợ chồng ông H xây dựng, trồng trọt.

6. Diện tích đất 1.463m^2 thuộc tờ bản đồ số 8, thửa 124 do bà Ngô Thị L2 đang tạm thời trông coi sử dụng, khi còn sống bố mẹ cho bà L ở nhờ với diện tích 360m^2, sau này do bà L khó khăn nên anh em ông bàn nhau cho bà L mượn tiếp 3 sào bên cạnh để trồng cây phát triển kinh tế. Trên thửa đất 1.463m^2 do bà Ngô Thị L2 đang quản lý sử dụng đã xây 04 nhà của vợ chồng bà L , 03 nhà của 03 con bà L (trong đó có 01 nhà 02 tầng), 01 xưởng gỗ, có bếp, C3 trình phụ.

Các thửa đất này đều tọa lạc tại Tổ dân phố T, phường Liêm C, thành phố Phủ L, tỉnh Hà Nam và đều mang tên cụ Ngô Văn C3 trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ). Riêng đối với diện tích đất do bà L tạm thời sử dụng không hiểu sao bà L tự ý làm thủ tục để xin cấp GCNQSDĐ riêng cho mình mà không có sự thống nhất của 09 anh em. Việc bà L làm thủ tục và được cấp GCNQSDĐ anh em ông đều không biết, các ông mới chỉ biết bà L được cấp sổ đỏ vào tháng 6/2017 khi các ông lên UBND phường Liêm C đề nghị tách đất cho anh em trong gia đình thì thấy cán bộ địa chính phường nói bà L đã có sổ đỏ (thay tên từ cụ Ngô Văn C3 sang tên bà Ngô Thị L2), được cấp từ năm 1994 với diện tích 1.463m^2. Trong khi anh em các ông vẫn đang sử dụng đất đến năm 1998 để trồng hoa màu, đến khoảng năm 1999 các anh em mới cho bà L mượn thêm 03 sào đất.

Nay, các đồng nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế đối với toàn bộ số di sản là đất đai, tài sản do cụ C3 và cụ T5 để lại (đất đai hiện do bà L , ông Đức, ông Nga, ông M , ông H , ông K quản lý, sử dụng) và hủy GCNQSDĐ số C212373 do UBND thị xã Hà Nam (nay là UBND thành phố Phủ L) cấp ngày 14/3/1994 cho bà Ngô Thị L2 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố Phủ L cấp cho bà Ngô Thị L2 ngày 20/7/2009.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Ngô Văn Đ có đơn đề nghị với nội dung: Do ông là con trai trưởng nên đề nghị Tòa án xét cho ông 100m^2 đất để làm nhà thờ cúng các cụ và để con cháu sau này có chỗ đi về giỗ Tết hàng năm theo tục lệ của người Việt Nam.

**** Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn bà L và bà L trình bày:***

Bố mẹ tôi là cụ Ngô Văn C3 (mất ngày 18/7/1988) và cụ Trần Thị T5 (mất ngày 02/12/1987) sinh được 09 người con như nguyên đơn trình bày là đúng. Ngoài 09 người con chung ở trên, bố mẹ tôi không có người con riêng nào khác. Trước khi bố mẹ tôi chết có để lại diện tích đất khoảng 7.833m² (gồm đất sản xuất trồng lúa và đất ở), địa chỉ: Thôn T, xã Liêm C (nay là Tổ dân phố T, phường Liêm C), thành phố Phủ L, tỉnh Hà Nam. Riêng đối với diện tích đất 1.325m² của tôi đã được cấp GCNQSDĐ vào ngày 14/3/1994 và cấp đổi lại vào ngày 20/7/2009, diện tích 1.463m^2 không nằm trong tổng diện tích đất 7.833m² của bố mẹ tôi trước khi chết để lại.

Theo bản đồ đo đạc năm 1978, diện tích đất này đứng tên chồng tôi Phạm Văn Chiến, tại thửa đất số: 378, tờ bản đồ số: 3, diện tích 1.108m^2, địa chỉ thửa đất: thôn T, xã Liêm C, thị xã Hà Nam, tỉnh Hà Nam Ninh (nay là Tổ dân phố T, phường Liêm C, thành phố Phủ L, tỉnh Hà Nam). Theo bản đồ đo đạc năm 1988, đứng tên tôi Ngô Thị L2, tại thửa đất số: 120, tờ bản đồ số: 6, diện tích: 1.325m^2. Đến năm 1994 UBND thị xã Hà Nam đã cấp GCNQSDĐ cho tôi, tại thửa đất số đất số: 120, tờ bản đồ số: 6, diện tích: 1.325m^2 (trong đó: đất ở: 225m^2, đất vườn: 1100m^2), thời hạn sử dụng lâu dài. Theo bản đồ đo đạc năm

1999, hoàn thiện năm 2003, thuộc thửa đất số: 124, tờ bản đồ số: 8, diện tích: 1.463m^2.

Ngày 20/7/2009, tôi đã được UBND thành phố Phủ L, tỉnh Hà Nam cấp đổi GCNQSDĐ, thuộc thửa đất số: 124, tờ bản đồ số: 8, diện tích: 1.463m^2 (trong đó: đất ở nông thôn: 308m^2, đất trồng cây hàng năm khác: 138m^2, đất trồng cây lâu năm: 1017m^2), địa chỉ thửa đất: thôn T, xã Liêm C (nay là Tổ dân phố T, phường Liêm C), thành phố Phủ L, tỉnh Hà Nam.

Đối với các phần đất do các ông Ngô Văn M, ông Ngô Văn Đ, ông Ngô Văn N, ông Ngô Văn H5, ông Ngô Văn K đang quản lý sử dụng (đất vẫn đứng tên cụ Ngô Văn C3), hiện nay các ông có tên trên đã xây dựng nhà ở ổn định trên đất.

Đối với diện tích đất của tôi đã được bố mẹ tôi cho từ năm 1976, vợ chồng tôi đã ở ổn định, L tục và được các cơ quan có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ đứng tên tôi (Ngô Thị L2) nên các nguyên đơn không có quyền khởi kiện chia thừa kế đối với diện tích đất này. Thời điểm đó đất này phần lớn là ruộng lúa cấy bạc màu, năm 1976 vợ chồng tôi vượt lập và làm 3 gian nhà tạm lợp rạ, đến khoảng năm 1979 vợ chồng tôi phá ra xây lại nhà bằng gạch xỉ, năm 2004 xây lại nhà mái bằng 01 tầng có C3 trình phụ khép kín ở cho đến bây giờ, trên đất có bể nước, một số cây ăn quả..., khi làm nhà các em tôi đều biết không ai có ý kiến gì. Vợ chồng tôi đã cho 03 người con mỗi người một mảnh đất, hiện các con tôi đã xây dựng nhà, C3 trình phụ trên phần đất được cho này.

Tôi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đầy đủ với nhà nước và đã có tên trên bản đồ, sổ sách về đất đai đối với diện tích đất này từ năm 1976, đến năm 1994 đã được cấp GCNQSDĐ. Quá trình thực hiện thủ tục hồ sơ kê khai đề nghị cấp GCNQSDĐ thì UBND phường Liêm C đã niêm yết, thông báo C3 khai các giấy tờ, hồ sơ của những hộ xin cấp GCNQSDĐ (trong đó có hộ gia đình tôi) trên loa ở đình, nhà văn hóa thôn, tại thời điểm đó các em tôi là Ngô Văn Đ, Ngô Văn N, Ngô Văn M, Ngô Văn H5, Ngô Văn K, Ngô Thị Mai, Ngô Thị H, Ngô Thị V đều biết, không có ý kiến gì vì UBND phường Liêm C thông báo trên loa phát thanh của xã và thôn, chính bà Ngô Thị V chở tôi bằng xe máy đến UBND phường Liêm C lấy sổ đỏ. Gia đình tôi đã ở trên đất ổn định, C3 khai, L tục 40 năm nay, đến đầu năm 2017 do UBND thành phố Phủ L có quyết định thu hồi đất để làm đường, khu dân cư thì các em tôi mới nảy lòng tham và xảy ra tranh chấp đất với tôi.

Nay, các đồng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế đối với toàn bộ số di sản là đất đai do bố mẹ tôi để lại tôi nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Riêng thửa đất số 124 thuộc tờ bản đồ số 8, tôi đã được cấp GCNQSDĐ vào ngày 14/3/1994 và cấp đổi lại vào ngày 20/7/2009, diện tích 1.463m^2 là tài sản của tôi, không nằm trong tổng diện tích đất 7.833m² của bố mẹ tôi. Nay các ông Ngô Văn Đ, ông

Ngô Văn N, ông Ngô Văn M, ông Ngô Văn K, bà Ngô Thị V, bà Ngô Thị H khởi kiện đề nghị chia thừa kế đối với diện tích đất 1.463m^2 của tôi đã được UBND thị xã Hà Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tôi thì tôi không đồng ý.

Ngoài ra, khi bố mẹ tôi mất còn để lại tài sản là 01 con bò, 1,5 cây vàng, 1 đến 2 tấn thóc, tài sản đó do vợ chồng anh M, chị C giữ, quản lý. Con bò do vợ chồng anh M bán, 1,5 cây vàng anh Nga đã lấy, còn 2,5 sào ruộng của bố mẹ bà khi có dự án xây dựng Bệnh viện Việt Đức được đền bù thì anh N và anh Đ đã lấy. Tuy nhiên, tôi không đề nghị giải quyết đối với tài sản trên.

**** Quan điểm của người có quyền lợi nghĩa vụ L quan về phía nguyên đơn gồm: Bà Lại Thị H, bà Trần Thị L, bà M Thị C, ông Ngô Văn Đ là người đại diện theo ủy quyền của chị Ngô Thị T1, anh Ngô Văn H và chị Trần Thị H1:*** Nhất trí với ý kiến trình bày của nguyên đơn.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan bà Ngô Thị M trình bày:***

Nhất trí với phần trình bày của bị đơn bà Ngô Thị L2, bố mẹ tôi để lại gồm 05 thửa đất gồm diện tích đất 858m^2 thuộc tờ bản đồ số 5, thửa 119 (nay là thửa số 36 tờ bản đồ số 14) ông Ngô Văn K đang tạm thời trông coi sử dụng; diện tích đất 413m^2 thuộc tờ bản đồ số 145, thửa 36 (nay là thửa đất số 62 tờ bản đồ số 14) do ông Ngô Văn M đang tạm thời trông coi sử dụng; diện tích đất 744m^2 thuộc tờ bản đồ số 4, thửa 90 (nay là thửa đất số 90 tờ bản đồ số 14) do ông Ngô Văn Đ đang tạm thời trông coi sử dụng; diện tích đất 319m^2 thuộc tờ bản đồ số 13, thửa 60 do ông Ngô Văn N đang tạm thời trông coi sử dụng; diện tích đất 1.931m^2 thuộc tờ bản đồ số 9, thửa 71 do ông Ngô Văn H5 đang tạm thời trông coi sử dụng và 2,8 sào đất màu tại Tổ dân phố T, phường Liêm C, thành phố Phủ L tỉnh Hà Nam mang tên cụ Ngô Văn C3 do ông Đ và ông N quản lý và sử dụng, khi xây dựng bệnh viện Việt Đức thì Nhà nước đã thu hồi và bồi thường, tôi không biết được bồi thường bao nhiêu tiền, khoản tiền bồi thường này ông N và ông Đức giữ không báo cho chị em trong gia đình biết. Đất của bố mẹ tôi là đất cá thể không thuộc đất của Hợp tác xã.

Nguồn gốc thửa đất của bà L là của bố mẹ tôi cho vợ chồng bà L ông Chiến từ năm 1976, bố mẹ tôi và vợ chồng bà L có lên UBND xã và được ban địa chính xã vào bản đồ xanh cho gia đình bà L, gia đình bà L sử dụng ổn định và tôn tạo thửa đất từ năm 1976 đến nay. Đến năm 1994, gia đình bà L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nếu trên. Thửa đất của bà L đã được bố mẹ tôi cho khi còn sống, không phải là di sản thừa kế của bố mẹ tôi để lại.

Nay tôi không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì thửa đất của bà L đã được bố mẹ tôi cho trước đó, không phải là di sản thừa kế của bố mẹ tôi. Tôi đề nghị chia di sản thừa kế của bố mẹ tôi theo pháp luật cho 9 anh chị em, đề nghị chia đều và tôi xin hưởng di sản thừa kế bằng đất.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan ông Ngô Văn H trình bày:***

Nhất trí với phần trình bày của các đương sự: Bố mẹ tôi là cụ Ngô Văn C3 (mất ngày 18/7/1988) và cụ Trần Thị T5 (mất ngày 02/12/1987) sinh được 09 người con, không có con nuôi, con riêng nào khác. Về tài sản bố mẹ tôi có 06 thửa đất như nguyên đơn trình bày.

Ngày 25/5/2003, năm anh em trai trong gia đình đã họp mặt để chia tách đất, đồng thời ngày 25/5/2003, thì 9 anh em trong gia đình đã có đơn xin tách hộ gia đình cụ thể: K 540m^2, M 756m^2, Đức 570m^2, Nga 504m^2 và tôi 1.931m^2. Do tất cả anh em trong gia đình đã họp để phân chia đất nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế của cụ C3 và cụ T5 là không có căn cứ đề nghị Tòa án giữ nguyên việc phân chia của gia đình vì từ năm 1996 anh em chúng tôi sau nhiều lần họp bàn chia tài sản đến ngày 25/5/2003 đã thống nhất quyết định chia tài sản đất đai. Tất cả anh em chia cho tôi đất ruộng cấy ngoài đồng dồn về đất vườn đất ao ở nhà nên đất vườn ao của gia đình tôi nhiều hơn so với tất cả các anh em, sau khi anh em chúng tôi chia đất có chính quyền xác nhận.

Do vậy, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và C3 nhận biên bản họp gia đình ngày 25/5/2003. Đề nghị chia thừa kế phần diện tích đất 1463m^2 do vợ chồng bà L đang sử dụng tại thửa đất số 124 tờ bản đồ số 8 xã Liêm C là di sản thừa kế của cụ C3 và cụ T5 theo quy định của pháp luật.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan ông Phạm Văn C, anh Phạm Hồng C, chị Phạm Thị T, anh Phạm Văn H****: Nhất trí với ý kiến của bị đơn bà Ngô Thị L2.*

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan là UBND phường Liêm C:*** Theo bản đồ đo đạc năm 1978, vị trí đất bà Ngô Thị L2 đang sử dụng đứng tên Chiến (ông Chiến là chồng bà L), tại thửa đất số 387, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.108m^2. Theo bản đồ đo đạc năm 1988 vị trí thửa đất trên đứng tên chủ sử dụng đất là bà Ngô Thị L2, vị trí tại thửa đất số 120, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.325m^2. Đến năm 1994 bà Ngô Thị L2 được UBND thị xã Hà Nam nay là UBND thành phố Phủ L cấp giấy CNQSD đất, vị trí tại thửa đất số 120, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.325m^2, trong đó: Đất ở 225m^2, đất vườn 1.100m^2 - thời hạn lâu dài. Theo bản đồ đo đạc năm 1999 hoàn thiện năm 2003, vị trí thửa đất bà L đang sử dụng tại thửa đất số 124, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.463m^2. Đến năm 2009 bà Ngô Thị L2 được UBND thành phố Phủ L cấp giấy CNQSD đất, vị trí tại thửa đất số 124, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.463m^2, trong đó: Đất ở 308m^2, đất vườn 1.017m^2 - thời hạn tháng 12/2043, đất vườn 138m^2, thời hạn tháng 12/2013. Đối với việc nguyên đơn đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 212373 ngày 14/3/1994 do UBND thị xã Hà Nam cấp cho bà Ngô Thị L2. UBND phường đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan là UBND thành phố Phủ L, tỉnh Hà Nam:*** Thời gian cấp GCNQSDĐ cho bà Ngô Thị L2 đã lâu (23 năm), tại thời điểm cấp GCNQSDĐ cho bà L năm 1994 UBND xã Liêm C (nay là phường Liêm C) không nhận được ý kiến, thắc mắc gì. Vì vậy, việc đề nghị hủy GCNQSDĐ cấp năm 1994 mang tên bà Ngô Thị L2 là không có căn cứ.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan là Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Phủ L, tỉnh Hà Nam:*** Theo các Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 06/01/2017; số 2060/QĐ-UBND ngày 09/8/2017; số 3154/QĐ-UBND ngày 21/11/2017 của UBND thành phố Phủ L, bà Ngô Thị L2 chỉ được bồi thường, hỗ trợ về đất (85m^2 gồm 44m^2 đất LNK 2043 và 41m^2 đất BHK) với tổng số tiền là 141.458.000đ, còn tài sản trên đất là của các con bà L kê khai đứng tên gồm: Phạm Hồng C 94.224.744đ, Phạm Văn H 79.958.078đ, Phạm Thị T 319.608.414đ. Việc xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ và chi trả cho bà Ngô Thị L2 là đúng quy định của pháp luật (vì bà L có GCNQSDĐ). Do đó, nguyên đơn đề nghị thu hồi lại số tiền đã chi trả cho gia đình bà Ngô Thị L2 là không có căn cứ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 14 tháng 04 năm 2021 của Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam đã quyết định như sau:

Căn cứ các Điều 26, 34, 37, 38, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 32 và Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Điều 674, 676 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 611, 612, 613, 614, 616, 623, 649, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 18 Luật đất đai năm 1987; Điều 50 Luật đất đai năm 2003; Điều 100 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ C3, cụ T5 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố Phủ L, tỉnh Hà Nam cấp cho bà Ngô Thị L2 ngày 20/7/2009 tại thửa đất số 124, tờ bản đồ số 8, tại thôn T, xã Liêm C (nay là Tổ dân phố T, phường Liêm C), thành phố Phủ L, tỉnh Hà Nam.

[2]. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00303 do UBND thành phố Phủ L cấp cho bà Ngô Thị L2 ngày 20/7/2009 đối với thửa đất số 124 tờ bản đồ số 8, thôn T, xã Liêm Chính, thành phố Phủ L, tỉnh Hà Nam (nay là Tổ dân phố T, phường Liêm C, thành phố Phủ L, tỉnh Hà Nam). (Do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C212373 UBND thị xã Hà Nam cấp ngày 14/3/1994 cho bà Ngô Thị L2 đã được cấp đổi bởi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00303 do UBND thành phố Phủ L cấp cho bà Ngô Thị L2 ngày 20/7/2009).

[3]. Chia di sản thừa kế của cụ Ngô Văn C3 và cụ Trần Thị T5 theo pháp luật:

[3.1] Hàng thừa kế của cụ C3 và cụ T5 theo pháp luật gồm: Bà Ngô Thị L2,

bà Ngô Thị H, bà Ngô Thị M, ông Ngô Văn Đ, bà Ngô Thị V, ông Ngô Văn N, ông Ngô Văn M, ông Ngô Văn H5, ông Ngô Văn K.

[3.2] C3 sức quản lý, duy trì, tôn tạo di sản:

- Ông Đ, ông N, ông M mỗi người được hưởng 20.000.000đ.
- Ông H được hưởng 50.000.000đ.
- Gia đình bà L được hưởng 100.000.000đ.

[3.3] Kỷ phần thừa kế:

01 kỷ phần thừa kế có giá trị: [4.412.424.000đ - (20.000.000đ x 3 + 50.000.000đ + 100.000.000đ)] : 9 = 466.936.000đ.

[3.4] Phân chia di sản thừa kế:

1. Giao cho Ngô Văn Đ quản lý và sử dụng thửa đất số 109 tờ bản đồ số 4 diện tích 615m^2 đất ao và thửa đất số 108 tờ bản đồ số 4 diện tích 179m^2 đất hai lúa (nay là thửa đất số 90 tờ bản đồ số 14) tại phường Liêm C, thành phố Phủ L và tài sản gắn liền với thửa đất gồm C3 trình kiến T5 và cây cối trên đất do vợ chồng ông Đức và các con xây dựng xây dựng và trồng trên đất. Buộc bà Ngô Thị L2 phải thanh toán cho ông Ngô Văn Đ phần chênh lệch giá trị kỷ phần thừa kế là 419.844.000đ. (có trích đo hiện trạng thửa đất kèm theo)

2. Giao cho ông Ngô Văn K quản lý và sử dụng thửa đất số 175 tờ bản đồ số 5 diện tích 770m^2 gồm 230m^2 đất ở và 540m^2 đất vườn (nay là thửa đất số 36 tờ bản đồ số 14) tại phường Liêm C, thành phố Phủ L và tài sản gắn liền với thửa đất gồm C3 trình kiến T5 và cây cối được xây dựng và trồng trên thửa đất. (có trích đo hiện trạng thửa đất kèm theo)

3. Giao cho bà L quản lý và sử dụng 1153m^2 đất tại thửa đất số 124 tờ bản đồ số 8, phường Liêm C gồm 308m^2 đất ở, 748m^2 đất CLN là di sản của cụ C3 cụ T5 có giá trị 3.157.792.000đ và 97m2 đất BHK thuộc quyền sử dụng của bà L ; và C3 trình kiến T5 và cây cối do vợ chồng bà L cùng các con xây dựng và trồng trên đất (có sơ đồ chia đất kèm theo).

4. Giao cho ông Ngô Văn N quản lý và sử dụng thửa đất số 182 tờ bản đồ số 5 diện tích 290m2 đất vườn (nay là thửa đất số 60 tờ bản đồ số 13) tại phường Liêm C, thành phố Phủ L và tài sản gắn liền với thửa đất gồm C3 trình kiến T5 và cây cối trên đất do gia đình ông N xây dựng và trồng trên đất. (có trích đo hiện trạng thửa đất kèm theo)

5. Giao cho ông Ngô Văn M quản lý và sử dụng thửa đất số 177 tờ bản đồ số 5 diện tích 440m^2 đất ao (theo bản đồ năm 1999 hoàn thiện năm 2003 là thửa đất số 62 tờ bản đồ số 14) và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất gồm C3 trình kiến T5 và cây cối trên đất do gia đình ông M xây dựng và trồng trên đất. (có trích đo hiện trạng thửa đất kèm theo)

6. Giao cho ông Ngô Văn N và ông Ngô Văn M quản lý và sử dụng 225m^2 đất CLN tại thửa đất số 124 tờ bản đồ số 8, phường Liêm C có giá trị 23.400.000đ có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đường dài 15m; phía Tây giáp phần đất chia cho bà L dài

15m; phía Nam giáp phần đất chia cho bà L dài 15m; Phía Đông giáp thửa đất số 866 tờ bản đồ số 8, phường Liêm C dài 15m (có sơ đồ chia đất kèm theo) và tài sản trên đất bao gồm 18 cây chanh, 07 cây sưa có giá trị 490.000đ, 01 cây sưa đường kính 0,8m có giá trị 1.500.000đ, 03 cây sưa cao 4,5m có giá trị 780.000đ, 06 cây sấu to, 28 bụi chuối, 06 cây mít, 04 cây na có quả, 14 cây bưởi, 04 cây cau, 06 cây nhãn, 02 cây khế có giá trị 96.000đ, 03 cây mít có giá trị 720.000đ, 01 cây Duối. Buộc ông N và ông M phải thanh toán cho bà L giá trị san lấp: 225m2 x 1,2m x 94.000đ/m3= 25.380.000đ, 01 bán mái lợp tôn tường xây gạch xỉ mái lợp tôn có giá trị 29.289.000đ, 01 bể nước có giá trị 11.469.000đ, 01 bể nước có giá trị 8.164.000đ và giá trị tài sản cây cối trên đất tổng là 101.062.000đ.

Buộc ông K phải thanh toán cho ông M và ông N chênh lệch giá trị kỷ phần thừa kế số tiền 49.224.000đ. Buộc bà L phải thanh toán cho ông M và ông N chênh lệch giá trị kỷ phần thừa kế là 833.908.000đ. Đối trừ với số tiền ông M và ông N phải thanh toán cho bà L 101.062.000đ, bà L còn phải thanh toán cho ông M và ông N số tiền 732.846.000đ.

7. Cắt 112m^2 đất hai lúa tại thửa đất số 138 tờ bản đồ số 5 (nay là thửa đất số 71 tờ bản đồ số 9 phường Liêm C, thành phố Phủ L) từ phần di sản ông H , bà V , bà H1 , bà M được hưởng để làm ngõ đi chung đối với 04 thửa đất chia cho ông H , bà V , bà H1 , bà Mai. Buộc bà V , bà H1 , bà M mỗi người phải thanh toán cho ông H giá trị tài sản của ông H trên phần đất cắt ra làm ngõ đi chung là 274.500đ (có sơ đồ chia đất kèm theo).

8. Giao cho bà Ngô Thị V quản lý và sử dụng 234m2 đất hai lúa tại thửa đất số 138 tờ bản đồ số 5 (nay là thửa đất số 71 tờ bản đồ số 9 phường Liêm C, thành phố Phủ L) có tứ cận cụ thể như sau: Phía tây giáp mương dài 15,31m; phía bắc giáp ngõ đi chung dài 15,41m; phía đông giáp phần đất chia cho bà H1 dài 15,92m, phía Nam giáp mương dài 3,03m + 3,18m + 8,32m (có sơ đồ chia đất kèm theo). Buộc bà V thanh toán cho ông H giá trị 01 bụi tre 101.800đ. Buộc bà L phải thanh toán cho bà V chênh lệch giá trị kỷ phần thừa kế là 444.797.000đ.

9. Giao cho bà Ngô Thị H quản lý và sử dụng 233m2 đất gồm 200m2 đất ao và 33m2 đất lúa tại thửa đất số 138 tờ bản đồ số 5 (nay là thửa đất số 71 tờ bản đồ số 9 phường Liêm C, thành phố Phủ L), có tứ cận như sau: Phía Tây giáp phần đất chia cho bà V dài 15,92m; phía Bắc giáp ngõ đi chung dài 7,69m + 7,16m; phía Đông giáp thửa đất số 74 tờ bản đồ số 9, phường Liêm C dài 5,34m+ 5,38m; phía Nam giáp mương dài 7,01m + 5,11m (có sơ đồ chia đất kèm theo). Buộc bà L phải thanh toán cho bà H1 chênh lệch giá trị kỷ phần thừa kế là 444.881.500đ.

10. Giao cho bà Ngô Thị M quản lý và sử dụng 204m2 đất hai lúa tại thửa đất số 138 tờ bản đồ số 5 (nay là thửa đất số 71 tờ bản đồ số 9 phường Liêm C, "thành phố Phủ L) có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp thửa đất số 108 tờ bản đồ số

9, phường Liêm C dài 5,53m; phía Đông giáp tường rào của gia đình ông Ngô Quang Thùy dài 20,99m + 11,47m; phía Nam giáp thửa đất số 93 và thửa đất số 74, tờ bản đồ số 9, phường Liêm C dài 2,25m + 0,56m + 0,65m + 3,52m; phía Tây giáp ngõ đi chung và phần đất chia cho ông H dài 0,27m + 0,79m + 31,83m + 2,19m (có sơ đồ chia đất kèm theo) và tài sản trên đất bao gồm 01 cây xoài, 01 cây ổi, 08 cây táo. Buộc bà M phải thanh toán cho ông H giá trị tài sản trên đất là 558.000đ. Buộc bà L phải thanh toán cho bà M chênh lệch giá trị kỷ phần thừa kế là 447.332.000đ.

11. Giao cho ông Ngô Văn H5 quản lý và sử dụng 1037m2 đất gồm 180m2 đất ở, 440m2 đất CLN, 417m2 đất hai lúa tại thửa đất số 138 tờ bản đồ số 5 (nay là thửa đất số 71 tờ bản đồ số 9 phường Liêm C, thành phố Phủ L) (có sơ đồ chia đất kèm theo). Buộc bà L phải thanh toán cho ông H chênh lệch giá trị kỷ phần thừa kế là 73.573.500đ.

[4] Giành quyền khởi kiện cho đương sự khi có yêu cầu.

[5] Không chấp nhận các yêu cầu khác của các đương sự.

[6] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí đo đạc và định giá tài sản:

- Buộc bà L, bà M, ông H mỗi người phải trả thanh toán cho ông Đức, ông M , ông Nga, ông K , bà V , bà H1 mỗi người 791.000đ.

- Buộc ông Đ phải thanh toán cho ông M, ông N, ông K , bà H, bà V mỗi người 420.300đ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 28/4/2021, bị đơn là bà Ngô Thị L2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 29/4/2021, người có quyền lợi nghĩa vụ L quan là ông Ngô Văn H5 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Ngô Thị L2, trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét một cách khách quan – toàn diện nội dung đơn kháng cáo của bà để xét xử đảm bảo quyền lợi cho bà.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L: Luật sư Chu Văn H3 trình bày: Với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, thể hiện diện tích đất của bà L đang bị tranh chấp trong vụ án này là của vợ chồng bà, vì đã được bố mẹ bà L cho, sau đó đã được cơ quan chức năng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi L quan trong vụ án: Ông Ngô Văn H5, trình bày: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án, vì vụ án xảy ra đã lâu, các anh chị em trong gia đình đã sử dụng ổn định tại các thửa đất khác nhau rồi, giờ tôi không có điều kiện khả năng để thanh toán hay trả tiền cho anh chị em khác được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao trình bày: Về tố tụng quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi ra phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa,

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về hướng giải quyết vụ án, sau khi phân tích nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung kháng cáo. Có căn cứ khẳng định đất đã cho bà L và không ai có ý kiến gì. Hiện nay gia đình bà L đã chia thửa đất này cho con bà và cũng đã xây dựng kiên cố. Do đó, không có căn cứ để xác định đất đó là của cụ C3 và cụ T5 . Diện tích đất của cụ C3 không bao gồm thửa đất của bà L . Trong trường hợp này cần xác định đất của cụ C3 chỉ là 5 thửa đất. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm: Xử huỷ bản án sơ thẩm nêu trên để giao về cấp sơ thẩm xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Do người khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Ngô Văn C3 và cụ Trần Thị T5 và đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C212373 do UBND thị xã Hà Nam (nay là UBND thành phố Phủ L) cấp ngày 14/3/1994 cho bà Ngô Thị L2. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào quy định tại khoản 5 Điều 26; Điều 34; khoản 1 Điều 37; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 32 Luật tố tụng hành chính xác định thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam là đúng pháp luật.

2. Xét yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C212373 do UBND thị xã Hà Nam cấp cho bà Ngô Thị L2 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố Phủ L cấp cho bà Ngô Thị L2 ngày 20/7/2009.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì nguồn gốc về thửa đất số 124 tờ bản đồ số 8, tại phường Liêm C, thành phố Phủ L thì thấy: Theo Bản đồ đo đạc năm 1978, vị trí đất bà Ngô Thị L2 đang sử dụng đứng tên ông Chiến (chồng bà L) tại thửa đất số 387, tờ bản đồ số 3, có diện tích 1.108 m^2. Theo bản đồ đo đạc năm 1988 vị trí thửa đất trên đứng tên chủ sử dụng đất là bà Ngô Thị L2, tại thửa đất số 120, tờ bản đồ số 6, có diện tích 1.325m^2. Đến năm 1994 bà Ngô Thị L2 được UBND thị xã Hà Nam (nay là UBND thành phố Phủ L) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại thửa đất số 120, tờ bản đồ số 6 có diện tích 1.325m^2, trong đó cấp (Đất ở 225m^2, còn đất vườn 1.100m^2), thời hạn sử dụng lâu dài. Theo bản đồ đo đạc năm 1999 hoàn thiện năm 2003, vị trí thửa đất bà L đang sử dụng tại thửa đất số 124, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.463m^2. Đến năm 2009, bà Ngô Thị L2 được UBND thành phố Phủ L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vị trí tại thửa đất số

124, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.463m^2, trong đó (Đất ở 308m^2, còn đất vườn 1.017m^2) thời hạn sử dụng đất đến tháng 12 năm 2043. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc thửa đất trên là của cụ C3 và cụ T5 . Ông Đ, ông N, ông M, ông K , bà V , bà H1 xác định thửa đất trên là của cụ C3 , cụ T5 cho vợ chồng bà L mượn 360m^2, đến năm 1998 các anh chị em trong gia đình vẫn canh tác và đến khoảng năm 1999 cho bà L mượn tiếp 03 sào nữa để canh tác sản xuất, chứ không cho bà L . Bà L , bà M cũng xác định nguồn gốc thửa đất trên là của cụ C3 , cụ T5 nhưng đã cho bà L từ năm 1976. Tuy nhiên bà L lại không cung cấp được giấy tờ mà bà được tặng cho. UBND phường Liêm C cũng ghi nhận theo bản đồ địa chính từ năm 1978 đến nay đều tứng tên vợ chồng ông Chiến, bà L. Nhưng UBND phường cũng chỉ lưu bản đồ và hồ sơ qua các thời kỳ từ năm 1978, 1988, 1999 – 2004, trong quá trình bàn giao hồ sơ địa chính đã không bàn giao hồ sơ L quan đến chuyển tên từ cụ C3 sang ông Chiến (chồng bà L).

Với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì HĐXX cấp phúc thẩm thấy:

Không có căn cứ xác định việc cụ C3 và cụ T5 đã cho bà L và ông Chiến quyền sử dụng thửa đất như đã nêu trên. Hơn nữa bà L, ông Chiến cũng không thuộc đối tượng được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như quy định tại Điều 18 Luật Đất đai năm 1987. Năm 1988, cụ C3 chết và trước đó vào năm 1987 cụ T5 chết thì đã phát sinh quan hệ thừa kế về tài sản đối với các con, cháu của cụ C3 và cụ T5 . Xét việc, UBND thị xã Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L thửa đất số 120 tờ bản đồ số 6, tại xã Liêm Chính, thị xã Hà Nam, tỉnh Hà Nam trong khi chưa có giấy tờ thể hiện việc các đồng thừa kế đã tặng, cho kỷ phần về tài sản của chính họ cho bà L , dẫn đến việc ngày 20/7/2009, bà Ngô Thị L2 được UBND thành phố Phủ L cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 124, tờ bản đồ số 8, có diện tích 1.463m^2 là không đúng pháp luật. Do đó, việc các nguyên đơn yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C212373 do UBND thị xã Hà Nam cấp ngày 14/3/1994 cho bà Ngô Thị L2 là có căn cứ pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận để thụ lý vụ án và tiến hành chia thừa kế cho các con của cụ C3 và cụ T5 là đúng pháp luật.

3. Xét yêu cầu chia di sản thừa kết của cụ C3 và cụ T5 .

Cụ Ngô Văn C3 chết ngày 18/7/1988, cụ Trần Thị T5 chết ngày 02/12/1987. Đến ngày 3/10/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam nhận đơn khởi kiện (căn cứ vào Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì vẫn đang trong thời hiệu chia thừa kế).

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Ngô Văn H5 có xuất trình Đơn xin

tách hộ gia đình đề ngày 25/5/2003 (có chữ ký của các người con của cụ C3 và cụ T5) bao gồm các ông: Đ, N, M , H, K và các bà: L , H, V(không có chữ ký của bà Ngô Thị M là con của cụ C3 và cụ T5). Đơn có nội dung là phân chia 05 thửa đất cho 05 anh em trai (đơn có xác nhận của ông Ngô Quốc L, là trưởng thôn và của UBND xã Liêm C). Do đó, ông H cho rằng các anh chị em của ông đã thỏa thuận, thống nhất phân chia đất của bố mẹ để lại, thửa đất mà vợ chồng ông đang quản lý, sử dụng là của vợ chồng ông, ông không đồng ý đem ra chia thừa kế. Tuy nhiên, ông Đức, ông N và ông M đều khẳng định chữ ký trong đơn không phải là chữ ký của các ông; bà L , bà H1 và bà V cũng khẳng định họ không có mặt và không ký vào Đơn này. Tại biên bản xác M ngày 25/01/2019, ông Ngô Quốc L người đã từng xác nhận vào Đơn đã trình bày "tôi không chứng kiến, họp gia đình và không chứng kiến các thành phần ký, viết trong đơn mà tôi chỉ xác nhận với nội dung là đề nghị UBND xã, ban địa chính xã xem xét, giải quyết khi có một người con của cụ C3 và cụ T5 mang đơn đến nhà để nhờ tôi ký xác nhận với nội dung như đã nêu trên".

Như vậy, Đơn xin tách hộ gia đình nêu trên không phải là văn bản thỏa thuận về việc phân chia đất của các đồng thừa kế, nên không có giá trị pháp lý nên không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là hoàn toàn đúng pháp luật.

Tại biên bản làm việc ngày 10/3/2021, UBND phường Liêm C cung cấp: Hộ cụ Ngô Văn C3 là hộ cá lẻ, ngày 14/3/1994 cụ C3 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với những thửa đất sau đây:

1. Thửa đất số 109 tờ bản đồ số 4 diện tích 615m2 đất ao và thửa đất số 108 tờ bản đồ số 4 diện tích 180m2 đất hai lúa (hiện trạng diện tích của thửa đất này là 179m2). (Theo bản đồ năm 1999 hoàn thiện năm 2003 thì hai thửa trên gộp thành thửa 90 tờ bản đồ số 14 diện tích 744m2 gồm đất ở 201m2 và 543m2 đất ao). Theo trích đo hiện trạng thì tổng diện tích là 794m2.

2. Thửa đất số 175 tờ bản đồ số 5 diện tích 770m2 gồm 230m2 đất ở và 540m2 đất vườn. (Theo bản đồ năm 1999 hoàn thiện năm 2003 là thửa đất số 36 tờ bản đồ số 14 tổng diện tích là 858m2 gồm 223m2 đất ở và 635m2 đất vườn. Theo trích đo hiện trạng thì tổng diện tích là 896m2, tăng lên 127m2, gồm: 39m2 đất ngõ và 88m2 đất vườn, diện tích tăng là do lấn sang 85m2 mặt nước thùng đào do UB quản lý (theo bản đồ năm 1988 là thửa đất số 174 tờ bản đồ số 5)).

3. Thửa đất số 177 tờ bản đồ số 5 diện tích 440m2 đất ao. (Theo bản đồ năm 1999 hoàn thiện năm 2003 là thửa đất số 62 tờ bản đồ số 14 diện tích 431m2 gồm 48m2 đất ở, 117m2 đất vườn và 266m2 đất ao. Theo trích đo hiện trạng thì tổng diện tích thửa đất là 466m2 có tăng 26m2 là do lấn chiếm vào đường đi của ngõ xóm.)

4. Thửa đất số 182 tờ bản đồ số 5 diện tích 290m2 đất vườn. (Theo bản đồ năm 1999 hoàn thiện năm 2003 là thửa đất số 60 tờ bản đồ số 13 có diện tích

319m2 gồm 130m2 đất ở và 189m2 đất vườn; theo bản đồ hiện trạng thì diện tích là 336m2, phần diện tích tăng là do lấn chiếm sang thửa đất số 56 tờ bản đồ số 13 và đường đi của ngõ)

5. Thửa đất số 138 tờ bản đồ số 5 diện tích 1820m2 gồm đất ở 180m2, đất vườn 440m2, đất ao 200m2, đất hai lúa 1000m2 (nay là thửa đất số 71 tờ bản đồ số 9, theo bản đồ năm 1999 hoàn thiện năm 2003, tổng diện tích là 1931m2 gồm 289m2 đất ở, 1527m2 đất vườn và 115m2 đất ao. Theo trích đo hiện trạng thì tổng diện tích thửa đất là 2265m2, sở dĩ có diện tích tăng thêm là do lấn chiếm vào phần đất ruộng và ngõ đi của tập thể).

Toàn bộ 05 thửa đất nêu trên vẫn đứng tên cụ Ngô Văn C3 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C169476 do UBND thị xã Hà Nam cấp ngày 14/3/1994. Quá trình sử dụng đất thì các con của cụ C3 có san lấp, tôn tạo, xây dựng C3 trình trên đất, nên trên bản đồ đo đạc năm 1999 hoàn thiện năm 2003 và trích đo hiện trạng thửa đất thể hiện có đất ở, đất vườn, đất ao, nhưng đến nay toàn bộ 05 thửa đất này vẫn chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm vẫn căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thị xã Hà Nam cấp ngày 14/3/1994 cho cụ C3 để giải quyết là phù hợp pháp luật.

6. Theo bản đồ đo đạc năm 1978, vị trí đất bà Ngô Thị L2 đang sử dụng đứng tên Chiến (chồng bà L), tại thửa đất số 387, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.108m2. Theo bản đồ đo đạc năm 1988 vị trí thửa đất trên đứng tên chủ sử dụng đất là bà Ngô Thị L2, vị trí tại thửa đất số 120, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.325m2. Đến năm 1994 bà L được UBND thị xã Hà Nam nay là UBND thành phố Phủ L cấp giấy CNQSD đất, vị trí tại thửa đất số 120, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.325m2, trong đó: Đất ở 225m2, đất vườn 1.100m2, thời hạn sử dụng lâu dài. Theo bản đồ đo đạc năm 1999 hoàn thiện năm 2003, vị trí thửa đất bà L đang sử dụng tại thửa đất số 124, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.463m2. Đến năm 2009 bà Ngô Thị L2 được UBND thành phố Phủ L cấp giấy CNQSD đất, vị trí tại thửa đất số 124, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.463m2, trong đó: Đất ở 308m2, đất vườn 1.017m2 - thời hạn sử dụng đến tháng 12/2043, đất vườn 138m2 - thời hạn sử dụng đến tháng 12/2013. Đối với phần diện tích đất tăng thêm 138m2 đất BHK hộ bà L không phải nộp tiền hợp pháp hóa. Xét thấy, phần diện tích tăng 138m2 đất BHK là diện tích đất thuộc quyền sử dụng của hộ bà L , không phải là di sản thừa kế của cụ C3 và cụ T5 để lại.

Tại bản án dân sự phúc thẩm số 74 ngày 20/5/2020 của TAND cấp cao tại Hà Nôi cũng đã nhận định tài sản của cụ C3 và cụ T5 để lại có 6 thửa đất, trong đó có thửa đất số 124, tờ bản đồ số 8. Năm 1987, cụ T5 chết và 1988 cụ C3 chết. Đến 1994 bà L mới làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nên theo quy định của pháp luật, sau khi cụ C3 , cụ T5 chết là đã phát sinh thừa kế rồi; Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng án lệ số 03/2016 để cho

rằng bà L đã được cấp Giấy quyền sử dụng đất, nên không còn là di sản thừa kế của cụ C3 , cụ T5 nữa, là không đúng pháp luật. Từ đó, đã xử hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại. Sau đó, ngày 14/4/2021, Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam đã xét xử sơ thẩm lại và ngày hôm nay Tòa án cấp cao xét xử phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm đã được Toà án cấp sơ thẩm xét xử lại sau khi đã bị bản án phúc thẩm xử hủy trước đó.

* Vì vậy, di sản thừa kế của cụ C3 và cụ T5 bao gồm cả 06 thửa đất, theo biên bản định giá ngày 22 tháng 01 năm 2021 như sau:

1. Thửa đất số 109 tờ bản đồ số 4 diện tích 615m2 đất ao và thửa đất số 108 tờ bản đồ số 4 diện tích 179m2 đất hai lúa có giá trị:

- Đất hai lúa: 179m2 x 84.500đ/m2 = 15.125.000đ
- Đất NTS: 615m2 x 84.500đ/m2= 51.967.000đ

Tổng: 67.092.000đ

2. Thửa đất số 175 tờ bản đồ số 5 diện tích 770m2 gồm 230m2 đất ở và 540m2 đất vườn có giá trị:

- Đất ODT: 230m2 x 2.000.000đ/m2 = 460.000.000đ.
- Đất CLN: 540m2 x 104.000đ/m2 = 56.160.000đ

Tổng: 516.160.000đ.

3. Thửa đất số 177 tờ bản đồ số 5 diện tích 440m2 đất ao có giá trị:

Đất NTS: 440m2 x 84.500đ/m2= 37.180.000đ

4. Thửa đất số 182 tờ bản đồ số 5 diện tích 290m2 đất vườn có giá trị:

Đất CLN: 290m2 x 104.000đ/m2 = 30.160.000đ

5. Thửa đất số 138 tờ bản đồ số 5 diện tích 1820m2 gồm đất ở 180m2, đất vườn 440m2, đất ao 200m2, đất hai lúa 1000m2 có giá trị:

- Đất ODT: 180m2 x 2.000.000đ/m2 = 360.000.000đ
- Đất CLN: 440m2 x 104.000đ/m2 = 45.760.000đ
- Đất NTS: 200m2 x 84.500đ/m2 = 16.900.000đ
- Đất hai lúa: 1000m2 x 84.500đ/m2 = 84.500.000đ.

Tổng: 507.160.000đ.

6. Thửa đất số 120, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.325m2. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2009 cấp cho bà L là thửa đất số 124, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.463m2 trong đó: Đất ở 308m2, đất vườn 1.017m2 (tăng 138m2 đất vườn). Ngày 06/01/2017 UBND thành phố Phủ L đã ra Quyết định thu hồi 85m2 đất gồm 44m2 đất LNK và 41m2 đất BHK của bà L và bà L được bồi thường, hỗ trợ về đất với tổng số tiền là 141.458.000đ thì bà L đã nhận số tiền này. Như đã phân tích thì thửa đất do bà L đang quản lý và sử dụng là di sản thừa kế của cụ C3 và cụ T5 để lại. Tuy nhiên: 138m2 đất BHK thuộc quyền sở hữu của bà L , nên khi thu hồi đất thì số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất 41m2 đất BHK là 67.978.000đ là của hộ bà L ; số tiền bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất đối với 44m2 đất LNK là 73.480.000đ được xác định là di sản thừa kế của cụ C3 , cụ T5

hiện bà L đang quản lý. Do vậy, di sản thừa kế của cụ C3 và cụ T5 tại thửa đất số 124 tờ bản đồ số 8 là 1325m2 đất gồm 308m2 đất ở và 1017m2 đất vườn có giá trị:

- Đất ODT: 308m2 x 10.000.000đ/m2 = 3.080.000.000đ.
- Đất CLN: (1017m2 – 44m2) x 104.000đ/m2 = 101.192.000đ

Tổng: 3.156.232.000đ

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định: Tổng giá trị di sản thừa kế của cụ C3 và cụ T5 về quyền sử dụng 06 thửa đất: 4.338.944.000đ + 73.480.000đ tiền bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi 44m2 đất = 4.412.424.000đ.

[3.2] Về hàng thừa kế:

Do cụ Ngô Văn C3 và cụ Trần Thị T5 đều đã chết, khi chết 2 cụ không để lại di chúc, nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào quy định tại Điều 651 Bộ luật dân sự để xác định người thừa kế theo pháp luật của cụ C3 và cụ T5 gồm có 09 người con là bà Ngô Thị L2, bà Ngô Thị H, bà Ngô Thị M, ông Ngô Văn Đ, bà Ngô Thị V, ông Ngô Văn N, ông Ngô Văn M, ông Ngô Văn H5 và ông Ngô Văn K là đúng pháp luật.

[3.3] Về kỷ phần thừa kế:

- Mặc dù các đương sự đều không đề nghị giải quyết đối với C3 sức quản lý và tôn tạo di sản. Nhưng xét thấy: Sau khi cụ C3 và cụ T5 chết thì các thửa đất đang do ông Đức, ông Nga, ông M, ông H và bà L quản lý, sử dụng thì các ông bà này đã có C3 sức trông nom, quản lý và tôn tạo nên cần trích từ di sản thừa kế để trả cho ông Đức, ông Nga, ông M mỗi người là 20.000.000đ, ông H quản lý khối lượng di sản lớn hơn nên được hưởng 50.000.000đ và bà L quản lý, tôn tạo khối lượng di sản lớn từ năm 1976 đến nay, nên được hưởng 100.000.000 đồng là phù hợp.

- 01 kỷ phần thừa kế có giá trị: [4.412.424.000đ – (20.000.000đ x 3 + 50.000.000đ + 100.000.000đ)]: 9 = 466.936.000đ.

[3.4] Phân chia di sản thừa kế: Tất cả các đương sự (nguyên đơn và bị đơn) đều đề nghị được hưởng thừa kế của cụ C3 và cụ T5 bằng hiện vật. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy:

1. Thửa đất số 109 tờ bản đồ số 4 diện tích 615m2 đất ao và thửa đất số 108 tờ bản đồ số 4 diện tích 180m2 đất hai lúa (Theo bản đồ năm 1999 hoàn thiện năm 2003 thì hai thửa trên gộp thành thửa 90 tờ bản đồ số 14). Do ông Đức quản lý và sử dụng cho đến nay, trong quá trình sử dụng ông Đức đã san lấp và xây dựng các C3 trình trên đất.

2. Thửa đất số 175 tờ bản đồ số 5 diện tích 770m2 gồm 230m2 đất ở và 540m2 đất vườn. (Theo bản đồ năm 1999 hoàn thiện năm 2003 là thửa đất số 36 tờ bản đồ số 14), thửa đất trên do ông K quản lý và sử dụng, nhưng do ông K đi làm ăn xa, nên không có ai tôn tạo, quản lý sử dụng.

3. Thửa đất số 177 tờ bản đồ số 5 có diện tích 440m2 đất ao (theo bản đồ năm 1999 hoàn thiện năm 2003 là thửa đất số 62 tờ bản đồ số 14) do ông M quản lý, sử dụng cho đến nay, trong quá trình sử dụng thì ông M đã tôn tạo và xây dựng C3 trình trên đất.

4. Thửa đất số 182 tờ bản đồ số 5 có diện tích 290m2 đất vườn (theo bản đồ năm 1999 hoàn thiện năm 2003 là thửa đất số 60 tờ bản đồ số 13) do ông N quản lý và sử dụng cho đến nay, trong quá trình sử dụng ông N đã tôn tạo và xây dựng C3 trình trên đất.

5. Thửa đất số 138 tờ bản đồ số 5 có diện tích 1820m2 gồm đất ở 180m2, đất vườn 440m2, đất ao 200m2, đất hai lúa 1000m2 (nay là thửa đất số 71 tờ bản đồ số 9, theo bản đồ năm 1999 hoàn thiện năm 2003) do ông H là người quản lý và sử dụng đất đến nay, trong quá trình sử dụng, ông H đã xây dựng C3 trình trên một phần diện tích đất.

6. Thửa đất số 120, tờ bản đồ số 6, có diện tích 1.325m2 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2009 cấp cho bà L là thửa đất số 124, tờ bản đồ số 8), gia đình bà L đã xây dựng một số C3 trình kiến T5 trên đất.

Tổng diện tích đất: 5439m2 - 44m2 đất đã thu hồi = 5395m2 (gồm 1255m2 đất ao; 1179m2 đất trồng cây hàng năm; 2243m2 đất trồng cây lâu năm; 718m2 đất ở). Nếu chia bằng hiện vật là đất thì mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng 5395m2: 9 = 599,4 m2 trong đó 139,5m2 đất ao; 249,2m2 đất trồng cây lâu năm; 131m2 đất trồng cây hàng năm; 79,7m2 đất ở.

Như đã phân tích, thì 06 thửa đất tại Tổ dân phố T, phường Liêm C, thành phố Phủ L, tỉnh Hà Nam có nguồn gốc là của cụ C3 và cụ T5 . Nay các đồng thừa kế đều có nguyện vọng xin hưởng di sản bằng diện tích đất của bố mẹ để lại. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy: Các ông Đức, Nga, M , H và bà L đang trực tiếp quản lý, sử dụng, mỗi người một thửa đất. Trong quá trình quản lý, sử dụng đất thì các ông, bà cùng các con đã xây dựng C3 trình nhà ở trên đất. Do vậy, cần tiếp tục giao cho các ông, bà tiếp tục quản lý sử dụng các thửa đất mà trên đó có nhà cửa do họ đã tự xây dựng từ trước. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy: phần diện tích đất do ông Nga, ông M quản lý và sử dụng lại nhỏ hơn diện tích mỗi kỷ phần thừa kế họ được hưởng, do vậy cần chia thêm diện tích đất cho ông M và ông N để đảm bảo quyền lợi cho các ông. Xét, thửa đất của bà L đang quản lý và sử dụng có diện tích 1325m2, trong quá trình sử dụng, vợ chồng bà L và các con của bà L đã xây dựng C3 trình trên đất, nhưng phần diện tích đất mà bà L đang quản lý, sử dụng lại rất lớn, ngoài diện tích đã xây dựng C3 trình kiên cố, hiện trạng thửa đất còn một phần có thể chia được, nên cần chia cho ông M và ông N một phần diện tích đất do bà L đang quản lý và sử dụng. Tại phiên tòa ông Nga, ông M đề nghị nếu được chia thừa kế thì hai ông xin được hưởng di sản thừa kế của cụ C3 , cụ T5 bằng hiện vật cụ thể là đất tại thửa đất số 124, tờ bản đồ số 08 tại phường Liêm C thành phố Phủ L thì hai ông

đề nghị chia cho hai ông chung một thửa để thuận tiện quản lý, sử dụng chung, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy đề nghị của ông Nga, ông M là có lý, có tình nên đã được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ pháp luật.

Đối với bà H1 , bà M , bà V thì hiện tại không quản lý, sử dụng diện tích đất nào để lại của cụ C3 , cụ T5 và đều có nguyện vọng xin hưởng di sản bằng diện tích đất. Vì vậy cần trích một phần di sản của cụ C3 và cụ T5 để chia cho các bà. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy nếu người nào được sở hữu giá trị nhiều hơn thì phải trả lại tiền chênh lệch cho kỷ phần được hưởng thừa kế mà còn thiếu như Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết là đúng pháp luật.

Việc ông Đức đề nghị để lại 100m2 đất thổ cư tại chính nơi mà ông, bà, bố, mẹ của ông đã ở để làm nhà thờ để thờ cúng các cụ và để cho con cháu của ông sau này có chỗ đi về giỗ, Tết. Tuy nhiên, các các đồng thừa kế còn lại không đồng ý với ý kiến nêu trên của ông Đ; do đó, không có căn cứ pháp luật để chấp nhận đề nghị này của ông Đ.

Việc phân chia di sản bằng hiện vật:

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào nguyện vọng của những người được hưởng thừa kế di sản của cụ C3 và cụ T5 để lại, cũng như tình hình thực tế di sản thừa kế. Từ đó đã phân chia cho các đương sự là phù hợp, cụ thể:

- Giao cho ông Ngô Văn Đ được quản lý và sử dụng thửa đất số 109 tờ bản đồ số 4 có diện tích 615m2 đất ao và thửa đất số 108 tờ bản đồ số 4 có diện tích 179m2 đất hai lúa (nay đã gộp 2 thửa trên thành thửa đất số 90 tờ bản đồ số 14, phường Liêm C, thành phố Phủ L) có giá trị 67.092.000đ và tài sản gắn liền với đất gồm C3 trình kiến T5 và cây cối trên đất do vợ chồng ông Đức và các con xây dựng, trồng trên đất. Tổng giá trị di sản mà ông Đức được hưởng là 67.092.000đ và 20.000.000đ tiền C3 sức quản lý, tôn tạo di sản. Buộc bà Ngô Thị L2 phải thanh toán cho ông Ngô Văn Đ phần chênh lệch giá trị kỷ phần thừa kế là 419.844.000đồng.

- Giao cho ông Ngô Văn K quản lý và sử dụng thửa đất số 175 tờ bản đồ số 5 diện tích 770m2 gồm 230m2 đất ở và 540m2 đất vườn (nay là thửa đất số 36 tờ bản đồ số 14, phường Liêm C, thành phố Phủ L) trị giá 516.160.000đ và tài sản gắn liền với thửa đất gồm C3 trình kiến T5 và cây cối được xây dựng, trồng cây trên thửa đất. Tổng giá trị di sản ông K được hưởng 516.160.000đ.

- Giao cho bà Ngô Thị L2 quản lý và sử dụng 1153m2 đất tại thửa đất số 124 tờ bản đồ số 8, phường Liêm C gồm 308m2 đất ở, 748m2 đất CLN là di sản của cụ C3 , cụ T5 trị giá 3.157.792.000đ và 97m2 đất BHK thuộc quyền sử dụng của bà L , đã là C3 trình kiến T5 và cây cối do vợ chồng bà và các con xây dựng, trồng cây trên đất.

- Giao cho ông Ngô Văn N quản lý và sử dụng thửa đất số 182 tờ bản đồ số 5 diện tích 290m2 đất vườn (nay là thửa đất số 60 tờ bản đồ số 13, phường Liêm C, thành phố Phủ L) trị giá 30.160.000đ và tài sản gắn liền với đất gồm C3

trình kiến T5 và cây cối trên đất do gia đình ông N xây dựng và trồng cây trên đất.

- Giao cho ông Ngô Văn M thửa đất số 177 tờ bản đồ số 5 diện tích 440m2 đất ao (nay là thửa đất số 62 tờ bản đồ số 14, phường Liêm C, thành phố Phủ L) trị giá 37.180.000đ và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất gồm C3 trình kiến T5 và cây cối trên đất do gia đình ông M xây dựng và trồng cây trên đất.

+ Giao cho ông Ngô Văn N và ông Ngô Văn M 225m2 đất CLN tại thửa đất số 124 tờ bản đồ số 8, phường Liêm C trị giá 23.400.000đ và tài sản trên đất bao gồm 18 cây chanh có giá 2.376.000đ, 07 cây sưa có giá 490.000đ, 01 cây sưa đường kính 0,8m có giá 1.500.000đ, 03 cây sưa cao 4,5m có giá 780.000đ, 06 cây sấu to có giá 4.620.000đ, 28 bụi chuối có giá 1.632.000đ, 06 cây mít có giá 2.520.000đ, 04 cây na có quả có giá 960.000đ, 14 cây bưởi có giá 7.056.000đ, 04 cây cau có giá 160.000đ, 06 cây nhãn có giá 3.600.000đ, 02 cây khế có giá 96.000đ, 03 cây mít có giá 720.000đ, 01 cây Chuối có giá 250.000đ. Buộc ông N và ông M phải thanh toán cho bà L C3 san lấp: 225m2 x 1,2m x 94.000đ/m3= 25.380.000đ, 01 bán mái lợp tôn tường xây gạch xỉ mái lợp tôn có giá 29.289.000đ, 01 bể nước có giá trị 11.469.000đ, 01 bể nước có giá trị 8.164.000đ và tài sản cây cối trên đất tổng là 101.062.000đ.

Tổng giá trị di sản mà ông M và ông N được hưởng là 90.740.000đ và 40.000.00đ tiền C3 sức quản lý, tôn tạo di sản. Buộc ông Ngô Văn K phải thanh toán cho ông M và ông N tiền chênh lệch kỷ phần 49.224.000đ. Buộc bà Ngô Thị L2 phải thanh toán cho ông M và ông N tiền chênh lệch kỷ phần 833.908.000đ. Đối trừ với số tiền 101.062.000đ mà ông M và ông N phải thanh toán lại cho bà L , thì bà L còn phải thanh toán tiếp cho ông M và ông N số tiền 732.846.000đ.

Đối với thửa đất số 138 tờ bản đồ số 5 (nay là thửa đất số 71 tờ bản đồ số 9, theo bản đồ năm 1999 hoàn thiện năm 2003) theo hiện trạng phía tây có 01 đường đi, giữa đường đi và thửa đất là mương nước, gia đình ông H đã san lấp làm lối đi vào thửa đất. Do vậy, để đảm bảo ngõ đi chung cho các đồng thừa kế thì cần phải cắt 112m2 đất hai lúa có giá trị 9.464.000đ từ phần di sản của ông H , bà V , bà H1 và bà M được hưởng để làm ngõ đi chung đối với 04 thửa đất đã chia cho ông H, bà V , bà H1 và bà M. Vì vậy, buộc bà V , bà H1 , bà M mỗi người phải thanh toán lại cho ông Ngô Văn H5 trị giá tài sản của ông H trên phần đất cắt ra làm ngõ đi chung (01 cây nhãn 990.000đ + 01 bụi chuối 60.000đ + 01 cây mít) : 4 = 274.500đồng.

- Giao cho bà Ngô Thị V quản lý và sử dụng 234m2 đất hai lúa tại thửa đất số 138 tờ bản đồ số 5 (nay là thửa đất số 71 tờ bản đồ số 9, theo bản đồ năm 1999 hoàn thiện năm 2003) trị giá 19.773.000đ. Buộc bà V thanh toán cho ông H trị giá 01 bụi tre 101.800đ. Như vậy, tổng trị giá di sản bà V được hưởng là

22.139.000đ. Buộc bà L phải thanh toán cho bà V tiền chênh lệch kỷ phần thừa kế là 444.797.000đồng.

- Giao cho bà Ngô Thị H quản lý và sử dụng 233m2 đất gồm 200m2 đất ao và 33m2 đất lúa tại thửa đất số 138 tờ bản đồ số 5 (nay là thửa đất số 71 tờ bản đồ số 9, theo bản đồ năm 1999 hoàn thiện năm 2003) với số tiền 19.688.500đ. Tổng cộng bà H1 được hưởng 22.054.500đ. Buộc bà L phải thanh toán cho bà H1 tiền chênh lệch kỷ phần thừa kế là 444.881.500đồng.

- Giao cho bà Ngô Thị M quản lý và sử dụng 204m2 đất hai lúa tại thửa đất số 138 tờ bản đồ số 5 (nay là thửa đất số 71 tờ bản đồ số 9, theo bản đồ năm 1999 hoàn thiện năm 2003) với số tiền 17.238.000đ và tài sản gắn liền trên đất gồm 01 cây xoài 180.000đ; 01 cây ổi 90.000đ, 08 cây táo 288.000đ. Buộc bà M phải thanh toán cho ông H tài sản trên đất là 558.000đ. Tổng cộng bà M được hưởng 19.604.000đ. Buộc bà L phải thanh toán cho bà M tiền chênh lệch kỷ phần thừa kế là 447.332.000đồng.

- Giao cho ông Ngô Văn H5 quản lý và sử dụng 1037m2 đất gồm 180m2 đất ở, 440m2 đất CLN, 417m2 đất hai lúa tại thửa đất số 138 tờ bản đồ số 5 (nay là thửa đất số 71 tờ bản đồ số 9, phường Liêm C, thành phố Phủ L) số tiền 440.996.500đ và C3 trình kiến T5, cây cối trên đất sau khi giao cho bà Mai, bà H1 , bà V và diện tích thuộc phần đất bù vào ngõ đi chung. Tổng cộng ông H được hưởng 443.362.500đ và 50.000.000đ tiền C3 sức quản lý, tôn tạo di sản. Buộc bà L phải thanh toán cho ông H tiền chênh lệch về kỷ phần thừa kế là 73.573.500đ.

Như đã phân tích ở trên, HĐXX cấp phúc thẩm thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án như đã nêu ở trên là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm. Mặc dù, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp phúc thẩm đề nghị xử hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại, nhưng Hội đồng xét xử không có căn cứ pháp luật để chấp nhận mà cần thiết phải giữ nguyên các quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm giữ nguyên.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nhưng bà L là người cao tuổi nên được miễn chịu án phí phúc thẩm; ông Ngô Văn H5 phải chịu 300.000 án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bà Ngô Thị L2 (bị đơn trong vụ án) và ông Ngô Văn H5 (người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án). Giữ nguyên các quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 02 ngày

14/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam đã xét xử sơ thẩm giữa các nguyên đơn ông Ngô Văn Đ, Ngô Văn N, Ngô Văn M, Ngô Văn K, Ngô Thị H, Ngô Thị V với bị đơn và bà Ngô Thị L2.

2. Về án phí: Ông Ngô Văn H5 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm (nhưng được đối trừ 300.000 gia đình ông đã nộp tại Biên lai 0005742 ngày 29/4/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam). Bà L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh Hà Nam;*
- *VKSND tỉnh Hà Nam;*
- *Cục THADS tỉnh Hà Nam;*
- *Các đương sự (theo đ/c);*
- *Lưu HS, PHCTP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Hùng